

Số: /TB-UBND

Quản Bạ, ngày tháng 10 năm 2022

THÔNG BÁO

Tổ chức lấy ý kiến đóng góp của nhân dân về công tác lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Quản Bạ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Văn bản số 1785/UBND-KTTH ngày 20/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang v/v Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của các huyện, thành phố;

Đến nay, Ủy ban nhân dân huyện Quản Bạ đã hoàn thành dự thảo Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Quản Bạ. Để có cơ sở thực hiện các bước tiếp theo và đáp ứng nhu cầu sử dụng đất năm 2023 của các cơ quan đơn vị và cá nhân trên địa bàn huyện. Ủy ban nhân dân huyện Quản Bạ thông báo lấy ý kiến đóng góp của nhân dân về Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Quản Bạ (hồ sơ gồm có: Biểu 01. Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2023; Biểu 2. Các công trình, dự án thực hiện trong năm kế hoạch sử dụng đất 2023), với một số nội dung cụ thể như sau:

1. Thời gian lấy ý kiến: Là 30 ngày bắt đầu từ ngày 12/10/2022 đến hết ngày 10/11/2022.

2. Thông báo này được niêm yết tại Trụ sở UBND huyện, UBND các xã, thị trấn và được đăng tải trên công thông tin điện tử huyện Quản Bạ (địa chỉ: <http://quanba.hagiang.gov.vn>).

3. Ý kiến đóng góp của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân gửi về UBND huyện qua Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện.

4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trong việc tổ chức lấy ý kiến đối với các chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện; các hạng mục công trình, dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Tổng hợp và giải trình ý kiến của nhân dân để hoàn thiện hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Quản Bạ trước khi trình Hội đồng thẩm định của tỉnh thẩm định.

5. Giao Phòng Văn hoá và Thông tin, Trung tâm Văn hoá - thông tin và Du lịch huyện thực hiện đăng tin trên cổng thông tin điện tử của huyện và hệ thống truyền thanh của huyện về các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2023; các công trình, dự án thực hiện trong năm kế hoạch sử dụng đất 2023.

6. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn:

- Niêm yết Thông báo này tại trụ sở UBND và tổ chức tuyên truyền trên hệ thống phát thanh của xã, thị trấn để nhân dân biết việc UBND huyện Quản Bạ công khai lấy ý kiến dân dân về Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Quản Bạ.

- Tiếp thu các ý kiến của nhân dân về Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Quản Bạ trong thời gian lấy ý kiến nhân dân; Tổng hợp, báo cáo UBND huyện thông qua Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện.

Căn cứ nội dung chỉ đạo, yêu cầu các ngành, đơn vị, các tổ chức, cá nhân liên quan, UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- T.Tr Huyện ủy;
- T.Tr HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, tổ chức CT-XH huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP HĐND&UBND huyện;
- CVVP (Đ/c Chương);
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Pha

Biểu 01: Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2023 huyện Quán Bạ
(Kèm theo Thông báo số: 719/TB-UBND ngày 12/10/2022 của UBND huyện Quán Bạ)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
I	Loại đất		54.217,10	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	44.368,87	81,84
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.727,03	3,89
	<i>Tr. đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>		
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	9.049,49	20,40
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	393,39	0,89
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	24.481,83	55,18
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	6.498,14	14,65
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	2.140,18	4,82
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>1.393,65</i>	<i>3,14</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	41,48	0,09
1.8	Đất làm muối	LMU		
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	37,33	0,08
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	2.112,18	3,90
2.1	Đất quốc phòng	CQP	24,26	1,15
2.2	Đất an ninh	CAN	4,46	0,21
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK		
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN		
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	25,30	1,20
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	90,10	4,27
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	65,64	3,11
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	7,35	0,35
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	883,68	41,84
	<i>Trong đó:</i>			
-	Đất giao thông	DGT	619,70	29,34
-	Đất thủy lợi	DTL	56,38	2,67
-	Đất xây dựng cơ sở văn hoá	DVH	1,05	0,05
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	3,51	0,17
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	34,41	1,63
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	2,61	0,12
-	Đất công trình năng lượng	DNL	113,44	5,37
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,55	0,03
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG		
-	Đất có di tích lịch sử - văn hoá	DDT	4,04	0,19
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	1,92	0,09

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON		
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	36,83	1,74
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH		
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH		
-	Đất chợ	DCH	9,24	0,44
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	4,73	0,22
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,40	0,02
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	600,87	28,45
2.14	Đất ở đô thị	ODT	46,49	2,20
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	8,86	0,42
2.16	Đất xây dựng trụ sở cơ của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,30	0,01
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	4,56	0,22
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	335,53	15,89
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	9,40	0,45
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,25	0,01
3	Đất chưa sử dụng	CSD	7.736,05	14,27
II	Khu chức năng			
1	Đất khu công nghệ cao	KCN		
2	Đất khu kinh tế	KKT		
3	Đất đô thị	KDT	1.330,40	2,45
4	Khu sản xuất nông nghiệp (khu vực chuyên trồng lúa nước, khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm)	KNN	393,39	0,73
5	Khu lâm nghiệp (khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất)	KLN	33.120,15	61,09
6	Khu du lịch	KDL	13,00	0,02
7	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT	6.498,14	11,99
8	Khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)	KPC		
9	Khu đô thị (trong đó có khu đô thị mới)	DTC		
10	Khu đất thương mại - dịch vụ	KTM	25,30	0,05
11	Khu đô thị - thương mại - dịch vụ	KDV		
12	Khu dân cư nông thôn	DNT	600,87	1,11
13	Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn	KON	90,10	0,17

Ghi chú: Khu chức năng không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên

Biểu 02: Danh mục các công trình, dự án dự kiến thực hiện trong năm 2022 trên địa bàn huyện Quán Bạ
(Kèm theo Thông báo số: 719/TB-UBND ngày 12/10/2022 của UBND huyện Quán Bạ)

STT	Hạng mục	Mã	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm					Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý (phê duyệt địa điểm, chấp thuận chủ trương đầu tư, quy hoạch chi tiết xây dựng, văn bản ghi vốn,...)	
					Diện tích (ha)	LUA	RPH	RDD	Đất khác			
I	Công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh											
1.1	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh											
a	Công trình chuyển tiếp											
1	Xây dựng đồn biên phòng Cao Mã Pờ	CQP	0,12		0,12					0,12	Xã Cao Mã Pờ	QĐ số 2840/QĐ-BTLBP ngày 19/11/2012 phê duyệt điều chỉnh dự toán đầu tư và thiết kế KT-tổng dự toán công trình đồn biên phòng từng vại (193)/BCHBP tỉnh Hà Giang
2	Trụ sở Đoàn kinh tế Quốc phòng 313	CQP	0,22		0,22					0,22	Xã Tả Ván	Tờ trình số 5976/TTr-BCH ngày 26/11/2021 của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Hà Giang V/v tham gia ý kiến về vị trí đóng quân và xây dựng doanh trại Đội Sản xuất và Xây dựng cơ sở chính trị số 8 Đoàn 313
3	Nhà tạm giam, tạm giữ, kho vật chứng CAH Quán Bạ	CAN	2,00		2,00	0,50				1,50	TT Tam Sơn	Báo cáo số 85/BC-KT&HT, ngày 18/9/2019 của UBND huyện Quán Bạ Báo cáo về điều chỉnh vị trí xây dựng kho vật chứng và Nhà tạm giam giữ của

STT	Hạng mục	Mã	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm					Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý (phê duyệt địa điểm, chấp thuận chủ trương đầu tư, quy hoạch chi tiết xây dựng, văn bản ghi vốn,...)	
					Diện tích (ha)	LUA	RPH	RDD	Đất khác			
20	Đường ra biên giới từ Thanh Vân đi xã Bát Đại Sơn đến mốc 338	DGT	9,20		9,20					9,20	Các xã: Thanh Vân, Bát Đại Sơn	Quyết định số: 2594/QĐ-UBND, ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh Hà Giang V/v Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường ra biên giới từ Thanh Vân đi xã BDS đến mốc 338 huyện Quản, tỉnh Hà Giang.
21	Dự án: Nâng Cấp, mở rộng đường từ Km3+00 (đường Nghĩa Thuận-Tùng Pàng) đi thôn Phìn Ủng, Khủng Cáng, xã Nghĩa Thuận, huyện quản Bạ, tỉnh Hà Giang	DGT	3,84	2,00	1,84	0,20				1,64	Xã Nghĩa Thuận	Căn cứ Quyết định số: 2097/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2019 của UBND tỉnh Hà Giang
22	Xử lý điểm nguy cơ mất ATGT (Đèo dốc công trời Quản Bạ) KM44+500 đến KM46+600 Quốc lộ 4c tỉnh Hà Giang	DGT	5,00		5,00	0,50	4,00			0,50	Xã Quản Bạ	Quyết định 3653/QĐ-TTCĐBVN ngày 24/8/2020 của Tổng cục đường bộ Việt Nam V/v cho phép chuẩn bị đầu tư công trình sửa chữa trên quốc lộ
23	Công trình khắc phục hậu quả thiên tai bảo vệ trường học tiểu học, khu dân cư đường biên giới từ UBND xã Tả Ván đi Pao Mã Phìn, Mã Hoàng Phìn, Mốc 272/2, mốc 276 huyện Quản Bạ	DGT	37,49	3,20	34,29	0,06	9,00			25,23	Xã Tả Ván	Quyết định số: 277/QĐ-UBND ngày 28/02/2020 của UBND tỉnh
24	Nâng cấp, mở rộng tuyến	DGT	6,30		6,30	0,50	0,50			5,30	Xã Quản Bạ	Quyết định số 2528/QĐ-UBND

STT	Hạng mục	Mã	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm					Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý (phê duyệt địa điểm, chấp thuận chủ trương đầu tư, quy hoạch chi tiết xây dựng, văn bản ghi vốn,...)
					Diện tích (ha)	LUA	RPH	RDD	Đất khác		
	đường từ quốc lộ 4c (Km49+750) đi trường nghề vào thôn Nậm Đăm										ngày 11/12/2019 của UBND tỉnh Hà Giang V/v giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước giao năm 2020
25	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ Km 50 +100m, quốc lộ 4c đi qua (thôn Nà Vin) công trường PTDT BT tiểu học xã Quản Bạ hồ Nậm Đăm	DGT	2,50		2,50	0,50			2,00	Xã Quản Bạ	Quyết định số 2528/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của UBND tỉnh Hà Giang V/v giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước giao năm 2020
26	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ nhà văn hoá thôn, đội 3 Lũng Mười đến Hang Lũng Mười	DGT	2,65		2,65	0,50			2,15	Xã Quyết Tiến	Quyết định số 2528/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của UBND tỉnh Hà Giang V/v giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước giao năm 2020
27	Mở rộng tuyến đường từ QL 4C (trạm Y tế xã) đi thôn Hoàng Lan	DGT	3,00		3,00	0,50			2,50	Xã Quyết Tiến	Quyết định số 2528/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của UBND tỉnh Hà Giang V/v giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước giao năm 2020
28	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường từ khu vực xử lý nước thải đi Thâm Lâu ra cây xăng Tùng Duyên	DGT	3,60		3,60	0,50			3,10	TT Tam Sơn	Nghị Quyết số 09/NQ-HĐND, ngày 29/6/2020 V/V chủ trương đầu tư
29	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ thôn Dìn Sán xã Quyết Tiến đi thôn Thượng	DGT	3,60		3,60				3,60	Các xã, thị trấn: Tam Sơn, xã	NQ số 22/NQ-HĐND, ngày 18/12/2020 của HĐND huyện Quản Bạ

STT	Hạng mục	Mã	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm					Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý (phê duyệt địa điểm, chấp thuận chủ trương đầu tư, quy hoạch chi tiết xây dựng, văn bản ghi vốn,...)
					Diện tích (ha)	LUA	RPH	RDD	Đất khác		
	Son Tam Son									Quyết Tiến	
30	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ Mốc 338 xã Bát Đại Sơn đi Na Khê huyện Yên Minh (địa phận huyện Quản Bạ)	DGT	4,00		4,00		0,50		3,50	Xã Bát Đại Sơn	NQ số 16/NQ-HĐND, ngày 29/6/2021 của HĐND huyện Quản Bạ
31	Nâng cấp, mở rộng đường từ Sân vận động đi Thâm Lâu thị trấn Tam Sơn	DGT	1,50		1,50				1,50	TT Tam Sơn	NQ số 16/NQ-HĐND, ngày 29/6/2021 của HĐND huyện Quản Bạ
b	Công trình đăng ký mới năm 2023										
32	Cải tạo, nâng cấp đường từ ngã ba Thanh Long đi chân đóc Hang Lợn, huyện Quản Bạ	DGT	0,80		0,80	0,20			0,60	Các xã, thị trấn: thị trấn Tam Sơn và xã Thanh Vân	NQ số 07/NQ-HĐND, ngày 22/03/2022 của HĐND tỉnh Hà Giang
33	Công trình đường trục từ tâm thôn lên xóm sáng thôn Lùng Vái xã Cán Tỷ	DGT	2,50		2,50				2,50	Thôn Lùng Vái xã Cán Tỷ	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND, ngày 16/9/2022 của HĐND huyện Quản Bạ
34	Công trình giao thông Từ trụ sở thôn Chúng trái đến nhà ông Vàng Hồ Thìn thôn Hòa Sĩ Pan, xã Tả Ván, 2,8km	DGT	1,50		1,50				1,50	Thôn Hòa Sĩ Pan, xã Tả Ván	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND, ngày 16/9/2022 của HĐND huyện Quản Bạ
35	Công trình đường giao thông Từ ngã 3 trên nhà ông Sùng Mìn Phỏng đi xóm Lò Chấn	DGT	0,50		0,50				0,50	Thôn Chúng Trái, xã Tả Ván	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND, ngày 16/9/2022 của HĐND huyện Quản Bạ

STT	Hạng mục	Mã	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm					Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý (phê duyệt địa điểm, chấp thuận chủ trương đầu tư, quy hoạch chi tiết xây dựng, văn bản ghi vốn,...)
					Diện tích (ha)	LUA	RPH	RDD	Đất khác		
	Hạ thôn Chúng Trãi, xã Tả Ván 1km										
36	Cải tạo nâng cấp đường từ đầu cầu mới Cán Tỷ đi Xín Suối Hồ đến Km67 QL 4C đi UBND xã Bát Đại Sơn đến mốc 338 và mốc 339 xã Bát Đại Sơn.	DGT	2,50		2,50					Các xã: Cán Tỷ, Đát Đại Sơn	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND, ngày 16/9/2022 của HĐND huyện Quản Bạ
37	Nâng cấp, cải tạo mở rộng tuyến đường từ ngã ba Thanh Long xã Thanh Vân đến UBND xã Nghĩa Thuận huyện Quản Bạ	DGT	0,50		0,50					Các xã: Thanh Vân, Nghĩa Thuận	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND, ngày 16/9/2022 của HĐND huyện Quản Bạ
38	Nâng cấp, sửa chữa đường Tráng Kim- Đông Hà - Tả Cá - Lùng Tám	DGT	0,50		0,50					Các xã: Đông Hà, Lùng Tám	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND, ngày 16/9/2022 của HĐND huyện Quản Bạ
39	Nâng cấp tuyến đường từ ngã ba Tùng Pàng, xã Tùng Vài đi xã Nghĩa Thuận, huyện Quản Bạ	DGT	0,50		0,50					Các xã: Tùng Vài, Nghĩa Thuận	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND, ngày 16/9/2022 của HĐND huyện Quản Bạ
40	Nâng cấp, mở mới tuyến đường từ thôn Dìn Sán xã Quyết Tiến đến thôn Thượng Sơn, thị trấn Tam Sơn, huyện Quản Bạ	DGT	5,50		5,50					Các xã, thị trấn: Quyết Tiến, TT Tam Sơn	Văn bản số 2758/UBND-KTTH, ngày 12/9/2022 của UBND tỉnh Hà Giang
41	Nâng cấp tuyến đường Lùng Tám đi Thái An	DGT	1,00		1,00					Các xã: Lùng Tám, Thái	Văn bản số 2758/UBND-KTTH, ngày 12/9/2022 của UBND tỉnh

STT	Hạng mục	Mã	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm					Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý (phê duyệt địa điểm, chấp thuận chủ trương đầu tư, quy hoạch chi tiết xây dựng, văn bản ghi vốn,...)	
					Diện tích (ha)	LUA	RPH	RDD	Đất khác			
47	Đầu tư xây dựng trạm biến áp kéo đường điện 0,4 kV thôn Bình Dương, thôn Lùng Mười xã Quyết Tiến	DNL	0,11		0,11	0,03				0,08	Xã Quyết Tiến	NQ số 07/NQ-HĐND, ngày 22/03/2022 của HĐND tỉnh Hà Giang
48	Cấp điện thôn Tà Lèng xã Minh Tân, huyện Vị Xuyên (tuyến chạy trên xã Tà Ván)	DNL	0,17		0,17		0,01			0,16	Xã Tà Ván	Quyết định số 2699/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của UBND tỉnh Hà Giang về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công, nguồn vốn ngân sách Trung ương năm 2022; Văn bản số 2378/UBND-KTKH ngày 9/8/2022 về việc phối hợp tháo gỡ khó khăn trong công tác triển khai dự án điện nông thôn
49	Cấp điện thôn Tà Súng Chư xã Nghĩa Thuận	DNL	0,12		0,12	0,01	0,01			0,10	Xã Nghĩa Thuận	Quyết định số 2699/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của UBND tỉnh Hà Giang về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công, nguồn vốn ngân sách Trung ương năm 2022; Văn bản số 2378/UBND-KTKH ngày 9/8/2022 về việc phối hợp tháo gỡ khó khăn trong công tác triển khai dự án điện nông thôn
50	Cấp điện thôn Sì Lò Phìn xã Tùng Vài	DNL	0,06		0,06	0,01				0,05	Xã Tùng Vài	Quyết định số 2699/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của UBND tỉnh Hà Giang về việc giao kế

STT	Hạng mục	Mã	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm					Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý (phê duyệt địa điểm, chấp thuận chủ trương đầu tư, quy hoạch chi tiết xây dựng, văn bản ghi vốn,...)
					Diện tích (ha)	LUA	RPH	RDD	Đất khác		
											hoạch vốn đầu tư công, nguồn vốn ngân sách Trung ương năm 2022; Văn bản số 2378/UBND-KTKH ngày 9/8/2022 về việc phối hợp tháo gỡ khó khăn trong công tác triển khai dự án điện nông thôn
51	Công trình cấp điện thôn Thào Chu Phìn, xã Bát Đại Sơn	DNL	0,60		0,60				0,60	Thôn Thào Chu Phìn xã Bát Đại Sơn	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND, ngày 16/9/2022 của HĐND huyện Quản Bạ
52	Công trình Cấp điện Xóm Nhiu Lũng và xóm Thèn Ván Cao, thôn Thèn Ván, xã Tả Ván	DNL	0,35		0,35				0,35	Thôn Thèn Ván, xã Tả Ván	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND, ngày 16/9/2022 của HĐND huyện Quản Bạ
53	Công trình xây dựng trạm biến áp, và đường dây 0,4 kv thôn Làng Tân, xã Thanh Vân	DNL	0,30		0,30				0,30	Thôn Làng Tân, xã Thanh Vân	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND, ngày 16/9/2022 của HĐND huyện Quản Bạ
54	Công trình đầu tư cột và dây dẫn điện 0,4 thôn Chín Chu Lìn, xã Cao Mã Pờ, huyện Quản Bạ	DNL	0,20		0,20				0,20	Thôn Chín Chu Lìn, xã Cao Mã Pờ	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND, ngày 16/9/2022 của HĐND huyện Quản Bạ
55	Công trình đầu tư cột và dây dẫn điện 0,4 thôn Vả Thàng 2, xã Cao Mã Pờ, huyện Quản Bạ	DNL	0,15		0,15				0,15	Thôn Vả Thàng 2, xã Cao Mã Pờ	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND, ngày 16/9/2022 của HĐND huyện Quản Bạ
56	Công trình đầu tư cột và dây dẫn điện 0,4 thôn Chín Sang,	DNL	0,10		0,10				0,10	Thôn Chín Sang, xã Cao	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND, ngày 16/9/2022 của HĐND

STT	Hạng mục	Mã	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm					Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý (phê duyệt địa điểm, chấp thuận chủ trương đầu tư, quy hoạch chi tiết xây dựng, văn bản ghi vốn,...)
					Diện tích (ha)	LUA	RPH	RDD	Đất khác		
	xã Cao Mã Pờ, huyện Quản Bạ									Mã Pờ	huyện Quản Bạ
57	Công trình điện sinh hoạt xóm Chúng Váng thôn Chúng Trái, xã Tả Ván	DNL	0,10		0,10				0,10	Thôn Chúng Trái, xã Tả Ván	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND, ngày 16/9/2022 của HĐND huyện Quản Bạ
58	Công trình điện sinh hoạt xóm Mới Pao Mã Phìn	DNL	0,10		0,10				0,10	Thôn Pao Mã Phìn, xã Tả Ván	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND, ngày 16/9/2022 của HĐND huyện Quản Bạ
59	Nâng cấp đường dây 0,4kv, dài 2500m Thôn Bản Thăng xã Tùng Vài	DNL	0,30		0,30				0,30	Thôn Bản Thăng, xã Tùng Vài	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND, ngày 16/9/2022 của HĐND huyện Quản Bạ
2.1.4	Đất thủy lợi										
a	Công trình chuyển tiếp										
60	Cải tạo, sửa chữa kênh mương thủy lợi tưới tiêu cho vùng rau hoa xã Quyết Tiến về hồ	DTL	1,30		1,30	0,10			1,20	Xã Quyết Tiến	QĐ số 1397/QĐ-UBND ngày 09/7/2021, phê duyệt Đề án Xây dựng xã Quyết Tiến thành xã NTM nâng cao gắn với PT du lịch
61	Hồ chứa nước sinh hoạt Sảng Cán Tỷ, xã Cán Tỷ	DTL	0,55		0,55	0,11			0,44	Xã Cán Tỷ	NQ số: 19/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 phương án dự kiến Kế hoạch đầu tư công; NQ số: 20/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 các dự án khởi công mới năm 2021 sử dụng nguồn vốn đầu tư công thuộc cấp tỉnh quản lý

STT	Hạng mục	Mã	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm					Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý (phê duyệt địa điểm, chấp thuận chủ trương đầu tư, quy hoạch chi tiết xây dựng, văn bản ghi vốn,...)
					Diện tích (ha)	LUA	RPH	RDD	Đất khác		
b	Công trình đăng ký mới năm 2023										
67	Xây dựng chợ trung tâm xã Thanh Vân	DCH	0,50		0,50				0,50	Xã Thanh Vân	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND, ngày 16/9/2022 của HĐND huyện Quản Bạ
68	Xây dựng mới chợ thị trấn Tam Sơn, huyện Quản Bạ	DCH	2,00		2,00	0,15			1,85	TT Tam Sơn	Nghị quyết số 13/NQ-HĐND, ngày 16/9/2022 của HĐND huyện Quản Bạ
2.1.6	Đất thương mại, dịch vụ										
a	Công trình chuyển tiếp										
69	Nâng cấp, mở rộng điểm dừng chân, bãi đỗ xe và các hạng mục phục vụ khách du lịch tại đỉnh dốc Công Trời	TMD	1,00		1,00		0,50		0,50	Xã Quyết Tiến	Quyết định số 2528/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của UBND tỉnh Hà Giang V/v giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước giao năm 2020
70	Khu trưng bày giới thiệu và bán sản phẩm địa phương, nhà trưng bày giới thiệu sản phẩm và thông tin du lịch, hiện vật văn hóa của các dân tộc vùng công viên địa chất, các mô hình làm điểm nhấn du lịch cho khách tham quan, trải nghiệm tại thôn Lùng Mườì	TMD	0,80		0,80	0,10			0,70	Xã Quyết Tiến	Quyết định số 2528/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của UBND tỉnh Hà Giang V/v giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước giao năm 2020
71	Xây dựng khuôn viên bãi đỗ xe, đường giao thông, khuôn viên cây xanh, khu trưng bày	TMD	2,50		2,50	0,50			2,00	Xã Quyết Tiến	Căn cứ Văn bản số 280/UBND-KTTH, ngày 12/02/2020 của UBND tỉnh Hà Giang và Nghị

STT	Hạng mục	Mã	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm					Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý (phê duyệt địa điểm, chấp thuận chủ trương đầu tư, quy hoạch chi tiết xây dựng, văn bản ghi vốn,...)
					Diện tích (ha)	LUA	RPH	RDD	Đất khác		
	sản phẩm +thu hồi, đền bù GPMB làm điểm nhấn du lịch tại Thạch Sơn Thần.										Quyết số 02/NQ-HDND, ngày 17/4/2020 V/V chủ trương đầu tư
b	Công trình đăng ký mới năm 2023										
2.2	<i>Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất</i>										
2.2.1	<i>Đất cơ sở sản xuất kinh doanh</i>										
a	Công trình chuyển tiếp										
72	Nghiên cứu, xây dựng nhà xưởng sơ chế biến dược liệu	SKC	0,12		0,12				0,12	Xã Quyết Tiến	Giấy chứng nhận đầu tư số 4657662628 cấp ngày 25/11/2020
b	Công trình đăng ký mới năm 2023										
2.2.2	<i>Đất thương mại, dịch vụ</i>										
a	Công trình chuyển tiếp										
73	Phục dựng, bảo tồn làng văn hóa truyền thống dân tộc H'Mông tại xã Đông Hà và xã Cán Tỷ	TMD	5,00		5,00				5,00	Các xã: Đông Hà, Cán Tỷ	Quyết định số 837/QĐ-UBND, ngày 09/05/2018 của UBND tỉnh v/v Chấp thuận chủ trương đầu tư: Phục dựng, bảo tồn làng văn hóa truyền thống dân tộc H'Mông tại xã Đông Hà và xã Cán Tỷ
74	Điểm trưng bày, giới thiệu bán sản phẩm địa phương thôn Đầu Cầu II, xã Cán Tỷ	TMD	0,22		0,22				0,22	Xã Cán Tỷ	

STT	Hạng mục	Mã	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm					Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý (phê duyệt địa điểm, chấp thuận chủ trương đầu tư, quy hoạch chi tiết xây dựng, văn bản ghi vốn,...)	
					Diện tích (ha)	LUA	RPH	RDD	Đất khác			
75	Điểm bán hàng nông sản địa phương và cung cấp dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ	TMD	0,25		0,25					0,25	Xã Cán Tỷ	Báo cáo số 1953/BC-SKHĐT ngày 3/7/2020 về kết quả rà soát một số dự án đề nghị đưa vào quy hoạch sử dụng đất năm 2020
76	Khu nghỉ dưỡng sinh thái cộng đồng văn hóa Heaven Gate tại thôn Cổng Trời	TMD	8,00		8,00					8,00	Xã Quản Bạ	
77	Khu du lịch sinh thái thôn Hoàng Lan, xã Quyết Tiến	TMD	6,50		6,50					6,50	Xã Quyết Tiến	
b	Công trình đăng ký mới năm 2023											
2.2.3	<i>Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm</i>											
a	Công trình chuyển tiếp											
78	Mỏ đá vôi thôn Bảo An	SKX	2,84		2,84					2,84	TT Tam Sơn	Quyết định số 1261/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 của UBND tỉnh Hà Giang về việc Ban hành Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Hà Giang thời kỳ 2021-2030, định đến 2050
79	Điểm đá vôi thôn Thanh Long	SKX	2,64		2,64					2,64	Xã Thanh Vân	Quyết định số 1261/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 của UBND tỉnh Hà Giang về việc Ban hành Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Hà Giang thời kỳ 2021-2030, định đến 2050

STT	Hạng mục	Mã	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm					Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý (phê duyệt địa điểm, chấp thuận chủ trương đầu tư, quy hoạch chi tiết xây dựng, văn bản ghi vốn,...)	
					Diện tích (ha)	LUA	RPH	RDD	Đất khác			
80	Điểm đá vôi thôn Đông Tinh	SKX	1,32		1,32					1,32	Xã Quyết Tiến	Quyết định số 1261/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 của UBND tỉnh Hà Giang về việc Ban hành Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Hà Giang thời kỳ 2021-2030, định đến 2050
b	Công trình đăng ký mới năm 2023											
2.3	Các khu vực sử dụng đất khác											
1	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở tại đô thị	ODT	0,85		0,85	0,53				0,32	TT Tam Sơn	
2	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn tại 12 xã	ONT	4,82		4,82	2,09				2,73	12 xã	
3	Chuyển mục đích sử dụng đất kém hiệu quả sang đất trồng cây lâu năm tại xã, thị trấn	CLN	0,92		0,92	0,92					13 xã, thị trấn	